

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG - PHỤ CẤP
Tháng 05 năm 2025

TT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Lương hệ số													Thành tiền	BHXH trả thay lương		Các khoản khấu trừ				Thực trả CBCNV
			HS Lương	HS chênh lệch bảo lưu	Lương HD	PC CV	PC KV	PC TN VK		PCTN nghề		PC ưu đãi nghề 50%	PC độc hại	PC trách nhiệm	Cộng HS		BHXH không chi trả 25%	BHXH chi trả 75%	BHXH 8%	BHYT 1,5%	1% BHTN	Cộng BH	
								Tỷ lệ % TN VK	PC TN VK	Tỷ lệ % PC TNN	PCTN N												
1	Lê Thị Nga	H.trưởng	4,68			0,5	0,5			23%	1,191	2,59			9,46	22.139.676			1.192.726	223.636	149.091	1.565.453	20.574.223,02
2	Nguyễn Thanh Bình	Giáo viên	5,36				0,5			32%	1,715	2,68			10,26	23.997.168			1.324.477	248.340	165.560	1.738.377	22.258.791,36
3	Cao Thị Dung	Giáo viên	4,98	0,16			0,5	5%	0,25	36%	1,882	2,61			10,39	24.303.100			1.361.214	255.228	170.152	1.786.593	22.516.506,79
4	Nguyễn Thị Nga A	Giáo viên	4,89				0,5	8%	0,39	36%	1,901	2,64			10,32	24.155.895			1.344.551	252.103	168.069	1.764.724	22.391.171,34
5	Lê Thị Hồng	Giáo viên	5,36				0,5			33%	1,769	2,68			10,31	24.122.592			1.334.511	250.221	166.814	1.751.546	22.371.045,84
6	Lê Thị Thanh Huế	Giáo viên	5,36				0,5			28%	1,501	2,68			10,04	23.495.472			1.284.342	240.814	160.543	1.685.699	21.809.773,44
7	Tông Thị Sôm	Giáo viên	4,98				0,5	5%	0,25	29%	1,516	2,61			9,86	23.072.189			1.262.741	236.764	157.843	1.657.347	21.414.842,16
8	Hoàng Tiểu Oanh	Giáo viên	4,98				0,5	7%	0,35	29%	1,545	2,66			10,04	23.489.374			1.286.793	241.274	160.849	1.688.916	21.800.458,20
9	Nguyễn T Thanh Huyền	Giáo viên	4,98				0,5			27%	1,345	2,49			9,31	21.796.164			1.183.965	221.993	147.996	1.553.954	20.242.209,78
10	Trần Thị Ngọc Hồi	Tổ trưởng	4,98			0,2	0,5			27%	1,399	2,59			9,67	22.624.524			1.231.514	230.909	153.939	1.616.362	21.008.161,98
11	Nguyễn Thị Bình	Giáo viên	4,98				0,5			27%	1,345	2,49			9,31	21.796.164			1.183.965	221.993	147.996	1.553.954	20.242.209,78
12	Nguyễn Hoài Giang	Giáo viên	4,98				0,5			26%	1,295	2,49			9,26	21.679.632			1.174.643	220.245	146.830	1.541.718	20.137.913,64
13	Phạm T Như Thủy	Giáo viên	5,02				0,5			24%	1,205	2,51			9,23	21.609.432			1.165.283	218.490	145.660	1.529.433	20.079.998,64
14	Phạm T Thu Hương	Tổ phó	5,02			0,15	0,5			23%	1,189	2,59			9,44	22.099.194			1.190.424	223.204	148.803	1.562.431	20.536.763,13
15	Lê Lê Hằng	Giáo viên	4,68				0,5			25%	1,170	2,34			8,69	20.334.600			1.095.120	205.335	136.890	1.437.345	18.897.255,00
16	Phạm Thị Tâm	Tổ phó	4,68			0,15	0,5			21%	1,014	2,42			8,76	20.496.762			1.094.053	205.135	136.757	1.435.945	19.060.817,49
17	Lê Thị Thu Hà	Giáo viên	4,68				0,5			21%	0,983	2,34			8,50	19.896.552			1.060.076	198.764	132.510	1.391.350	18.505.202,04
18	Đoàn Thị Chi	Giáo viên	4,34				0,5			23%	0,998	2,17			8,01	18.739.188			999.311	187.371	124.914	1.311.596	17.427.592,26
19	Lưu Thị Tuyết	Giáo viên	4,68				0,5			23%	1,076	2,34			8,60	20.115.576			1.077.598	202.050	134.700	1.414.347	18.701.228,52

20	Nguyễn Thị Vân	Giáo viên	4,34	0,5	21%	0,911	2,17	7,92	18,536,076	983,062	184,324	122,883	1,290,269	17,245,807,02
21	Nguyễn Thị Ca	Giáo viên	4,34	0,5	19%	0,825	2,17	7,83	18,332,964	966,813	181,277	120,852	1,268,942	17,064,021,78
22	Nguyễn T Kim Anh	Tổ trưởng	4,68	0,5	21%	1,025	2,44	8,84	20,696,832	1,105,379	207,258	138,172	1,450,809	19,246,022,64
23	Phan Thị Thu Hằng	Tổ trưởng	4,68	0,5	21%	1,025	2,44	8,84	20,696,832	1,105,379	207,258	138,172	1,450,809	19,246,022,64
24	Nguyễn Quỳnh Giang	Giáo viên	4,00	0,5	18%	0,720	2,00	7,22	16,894,800	883,584	165,672	110,448	1,159,704	15,735,096,00
25	Trần Thị Đình	Giáo viên	3,99	0,5	21%	0,838	2,00	7,32	17,135,586	903,783	169,459	112,973	1,186,215	15,949,370,97
26	Vũ Hương Giang	Tổ phó	4,00	0,5	19%	0,789	2,08	7,51	17,581,590	924,487	173,341	115,561	1,213,389	16,368,200,55
27	Nguyễn T Bình Minh	Tổ phó	4,00	0,5	20%	0,830	2,08	7,56	17,678,700	932,256	174,798	116,532	1,223,586	16,455,114,00
28	Lê Thị Xuân	Giáo viên	4,00	0,5	14%	0,560	2,00	7,06	16,520,400	853,632	160,056	106,704	1,120,392	15,400,008,00
29	Nguyễn T Minh Huệ	Tổ trưởng	4,00	0,5	14%	0,588	2,10	7,39	17,287,920	896,314	168,059	112,039	1,176,412	16,111,508,40
30	Phạm T Ngọc Quỳnh	Giáo viên	4,34	0,5	16%	0,694	2,17	7,70	18,028,296	942,440	176,707	117,805	1,236,952	16,791,343,92
31	Lương Hồng Yên	Giáo viên	4,34	0,5	21%	0,911	2,17	7,92	18,536,076	983,062	184,324	122,883	1,290,269	17,245,807,02
32	Vũ Thị Tuyết	Giáo viên	4,34	0,5	21%	0,911	2,17	7,92	18,536,076	983,062	184,324	122,883	1,290,269	17,245,807,02
33	Trần Thị Hạnh	Tổ trưởng	4,34	0,5	20%	0,908	2,27	8,22	19,230,120	1,019,866	191,225	127,483	1,338,574	17,891,546,40
34	Đặng Thị Lua	Giáo viên	4,34	0,5	20%	0,868	2,17	7,88	18,434,520	974,938	182,801	121,867	1,279,606	17,154,914,40
35	Nguyễn Trung Dũng	Giáo viên	4,34	0,5	20%	0,868	2,17	7,88	18,434,520	974,938	182,801	121,867	1,279,606	17,154,914,40
36	Nguyễn Thị Lành	Giáo viên	3,66	0,5	14%	0,512	1,83	6,50	15,215,616	781,073	146,451	97,634	1,025,159	14,190,457,32
37	Nguyễn T Mỹ Hương	Hiệu phó	5,36	0,5	25%	1,440	2,88	10,58	24,757,200	1,347,840	252,720	168,480	1,769,040	22,988,160,00
38	Trương Minh Ngọc	Giáo viên	3,33	0,5	9%	0,300	1,67	5,79	13,559,598	679,480	127,402	84,935	891,817	12,667,780,71
39	Ta Thị Lan	Giáo viên	3,00	0,5	9%	0,270	1,50	5,27	12,331,800	612,144	114,777	76,518	803,439	11,528,361,00
40	Lò Văn Thanh	Giáo viên	4,00	0,5	14%	0,560	2,00	7,06	16,520,400	853,632	160,056	106,704	1,120,392	15,400,008,00
41	Phạm Tuấn Tài	Giáo viên	3,66	0,5	14%	0,512	1,83	6,50	15,215,616	781,073	146,451	97,634	1,025,159	14,190,457,32
42	Hoàng T Hồng Hạnh	Giáo viên	3,99	0,5	14%	0,559	2,00	7,04	16,482,024	851,498	159,656	106,437	1,117,591	15,364,432,98
43	Vũ Thị Thảo	Giáo viên	3,99	0,5	14%	0,559	2,00	7,04	16,482,024	851,498	159,656	106,437	1,117,591	15,364,432,98
44	Đặng Thu Hằng	Tổ phó	3,66	0,5	13%	0,495	1,91	6,71	15,702,102	805,952	151,116	100,744	1,057,812	14,644,289,79
45	Nguyễn Thị Huyền	Giáo viên	3,33	0,5	12%	0,400	1,67	6,19	14,495,364	698,181	130,909	87,273	916,363	13,579,001,28
46	Bùi Thị Hằng	Giáo viên	3,66	0,5	15%	0,549	1,83	6,54	15,301,260	787,925	147,736	98,491	1,034,151	14,267,108,70
47	Vũ Thị Tươi	Giáo viên	4,34	0,5	21%	0,911	2,17	7,92	18,536,076	983,062	184,324	122,883	1,290,269	17,245,807,02
48	Phạm T Phương Dung	Tổ trưởng	3,33	0,5	0,2			0,1	9,664,200	660,816	123,903	82,602	867,321	8,796,879,00
49	Lê Thị Tuyên	NV thư viên	3,26	0,5				0,2	9,266,400	610,272	114,426	76,284	800,982	8,465,418,00
50	Bồ Thị Huệ	Vie	2,86					3,36	7,862,400	535,392	100,386	66,924	702,702	7,159,698,00

	Cộng lương biến chế		217,11	0,16		2,85	25,0		1,24		46,4	105,8	0,2	0,4	399,1	933.916.642	-	-	50.120.137	9.397.526	6.265.017	65.782.680	868.133.962
51	Nguyễn Thị Ngọc	Phục vụ			3.860.000											3.860.000			308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700
52	Đoàn Văn Hải	Bảo vệ			3.860.000											3.860.000			308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700
53	Lò Văn Lã	Bảo vệ			3.860.000											3.860.000			308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700
	Cộng lương hợp đồng				11.580.000											11.580.000	-	-	926.400	173.700	115.800	1.215.900	10.364.100
	Tổng Cộng		217,11	0,16	11.580.000	2,85	25,0		1,24		46,38	105,77	0,2	0,4	399,1	945.496.642	-	-	51.046.537	9.571.226	6.380.817	66.998.580	878.498.062

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Tám trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi hai đồng chẵn.

KẾ TOÁN



Phạm Thị Phương Dung

Mường Thanh, ngày 08 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Nga